**Phân tích 18 câu đầu trao duyên mẫu 10**

Trong kiệt tác “Truyện Kiều” của đại thi hào Nguyễn Du, đoạn trích “Trao duyên” thuộc phần hai của tác phẩm: “Gia biến và lưu lạc”. Sau khi  vụ án oan sai đối với gia đình Thúy Kiều diễn ra, nàng buộc phải hi sinh mối tình với Kim Trọng, bán mình lấy tiền cứu cha và em. Việc bán mình đã thu xếp xong xuôi, Kiều nghĩ đến thân phận và tình yêu, quyết định trao duyên cho Thúy Vân, nàng nhờ em gái là Thúy Vân thay mình kết duyên với Kim Trọng. Đây là đoạn trích có vị trí đặc biệt, mang tính chất “bản lề”, đánh dấu sự kết thúc của cuộc sống “Êm đềm trướng rủ màn che” và báo hiệu sự mở ra kiếp đoạn trường mười lăm năm lưu lạc của Kiều. Nhan đề “Trao duyên” đã gợi ra được hoàn cảnh đặc biệt, mở ra nỗi lòng của nhân vật và bộc lộ nỗi đau của nhân vật. Đặc biệt, trong mười hai câu thơ đầu tiên, qua lời thuyết phục Thúy Vân nhận lời trao duyên, chúng ta có thể thấy được tâm trạng uất nghẹn cùng tình yêu sâu nặng và bi kịch tình yêu, thân phận của Thúy Kiều. Để thuyết phục em nhận lời trao duyên, Thúy Kiều đã sử dụng những hành động và lời lẽ đặc biệt khác thường. “Trao duyên” vốn là một chuyện tế nhị, khó nói. Để mở lời câu chuyện hệ trọng này, tác giả Nguyễn Du đã tinh tế, khéo léo trong cách chọn lọc và sử dụng ngôn ngữ qua những động từ “cậy”, “chịu”, “lạy”. Trước hết, từ “cậy” thể hiện sắc thái tin tưởng, gửi gắm cùng sợ trông chờ tha thiết, bao hàm sự hi vọng, ủy thác và sự phó mặc. Dường như, Thúy Vân là niềm an ủi cuối cùng mà Thúy Kiều có thể cậy nhờ trước bi kịch tình yêu tan vỡ. Bên cạnh từ “cậy” là từ “chịu”, không chỉ đơn thuần thể hiện hàm ý của nghe lời, vâng lời mà còn ẩn chứa sự bắt buộc, thông cảm mà chấp nhận và gián tiếp gợi lên sự thiệt thòi của Thúy Vân. Thúy Kiều không chỉ khéo léo để thuyết phục Thúy Vân mà còn đặt mình vào vị trí của Thúy Vân để thấu hiểu rằng việc nhận lời trao duyên đồng nghĩa với việc Vân phải chịu thiệt thòi. Từ “chịu” đã gợi ra một hình ảnh nàng Kiều vị tha, sâu sắc, trong đau khổ tột cùng của bi kịch tình yêu vẫn nghĩ đến cảm nhận của người khác. Tác giả Nguyễn Du đã lựa chọn  từ ngữ chính xác, phù hợp với hoàn cảnh nhân vật để diễn tả ngôn ngữ, hành động của nhân vật: “Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”. Trong xã hội phong kiến xưa, “lạy” vốn là hành động thể hiện sự tôn kính của kẻ bề dưới đối với người bề trên, nhưng ở đây, Thúy Kiều là chị, là bề trên của Thúy Vân. Cái “lạy” tưởng chừng như trái với lẽ thường ấy lại gợi mở ra rất nhiều ý nghĩa sâu sắc: Thúy Kiều đã đặt mình vào vị trí của người chịu ơn, xem Thúy Vân là ân nhân của mình; đồng thời thể hiện sự tinh tế, sâu sắc của nàng. Đồng thời, qua cách ngắt nhịp, chúng ta có thể thấy được tâm trạng nghẹn ngào của Thúy Kiều trước biến cố. Nàng không chỉ là người quyết đoán, mà còn là người thấu tình đạt lí, thông minh, tinh tế, khéo léo. Trong những câu thơ tiếp theo, Thúy Kiều đã tái hiện câu chuyện tình yêu đẹp đẽ của mình cùng chàng Kim trong quá khứ:

“Giữa đường đứt gánh tương tư,
Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.
Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
Sự đâu sóng gió bất kì,
Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.”

Chỉ với sáu câu thơ, tác giả Nguyễn Du đã khắc họa thành công câu chuyện tình yêu đẹp đẽ, dở dang cùng với những biến cố bất ngờ thông qua sự đối lập về không gian của quá khứ hạnh phúc và hiện tại đổ vỡ, chia lìa. Trước hết, nàng hồi tưởng lại những kí ức về tình yêu sâu nặng của “Người quốc sắc, kẻ thiên tài”. Điệp ngữ “khi” kết hợp từ chỉ thời gian không hạn định “ngày, đêm” đã tạo nên một dòng chảy kí ức ôm lấy tâm hồn của Kiều. Những kỉ niệm điểm xuyết, những hình ảnh ước lệ “quạt ước, chén thề” thể hiện tấm lòng  thủy chung, son sắt, thể hiện nàng đang sống lại với những kỉ niệm êm đềm, làm nổi bật một câu chuyện tình yêu sâu đậm, thiêng liêng. Nhưng đáng buồn thay, câu chuyện đó lại dang dở, bẽ bàng bởi bi kịch về số phận. Nàng đã quay trở về thực tại với những khổ đau ngang trái và ý thức sâu sắc về sự chia lìa. Các cụm từ “đứt gánh tương tư”, “sóng gió bất kì” như những nét cắt ngang đau đớn giữa quá khứ và hiện tại. Cơn gia biến ập tới, cuộc sống “Êm đềm trướng rủ màn che” dần lùi xa vào quá khứ, nhưng có lẽ, với Thúy Kiều, đau đớn hơn cả là nỗi đau “đứt gánh tương tư”. “Gánh tương tư” vốn để diễn tả tình yêu trai gái với nỗi nhớ, sự tương tư bồn chồn, khắc khoải, da diết. Nỗi niềm tương tư vốn là một sắc thái thể hiện tình yêu đẹp đẽ, gắn bó nhưng lại được kết hợp động từ “đứt” thể hiện sự gãy ngang, đổ vỡ, giúp chúng ta cảm nhận sâu sắc nỗi đau dang dở của mối tình Kim - Kiều. Bên cạnh đó, điển tích về “keo loan” - thứ keo được làm bằng máu của chim loan, thể hiện sự gắn bó, khăng khít nhưng lại “chắp mối tơ thừa mặc em”. Thật đau đớn khi mối tình gắn bó, sâu sắc của Thúy Kiều lại trở thành mối “tơ thừa” của Thúy Vân. Mối tình Kim - Kiều dù thiêng liêng thì đối với Vân, đó cũng chỉ là “tình chị duyên em”.

Không chỉ kể về câu chuyện tình yêu của mình, Thúy Kiều còn sử dụng lí lẽ để thuyết phục Thúy Vân:

“Ngày xuân em hãy còn dài
Xót tình máu mủ thay lời nước non
Chị dù thịt nát xương mòn
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây”

Cách diễn đạt của Thúy Kiều ngắn gọn nhưng vô cùng sâu sắc, thấu tình đạt lí. Để thuyết phục em, Thúy Kiều đã gợi lên tình chị em gắn bó. Tính từ “xót” mang sắc thái đặc biệt, diễn tả mối quan hệ ruột rà cùng huyết thống, đồng thời chạm tới tình máu mủ thân thương để Vân đồng cảm, thấu hiểu. Phép đối “tình máu mủ” - “lời nước non” đã thể hiện tình cảm sâu nặng. Đồng thời, những thành ngữ “thịt nát xương mòn”, “ngậm cười chín suối” vừa gợi tả dự cảm về tương lai, vừa diễn tả về cái chết cùng sự cam lòng, mãn nguyện và thanh thản. Chỉ bằng bốn câu thơ, Kiều đã nêu lên những lí lẽ thấu tình đạt lí, lay động tâm can, lí trí và trái tim của Thúy Vân để em có thế gánh vác, san sẻ mối tình duyên dang dở của mình.

Như vậy, mười hai câu thơ khép lại nhưng gợi mở ra rất nhiều sắc thái cảm xúc. Bằng ngôn ngữ chọn lọc, cách nói khéo léo, chặt chẽ, thấu tình đạt lí, Thúy Kiều đã thuyết phục Thúy Vân bằng ngôn ngữ của lí trí và tình cảm. Ẩn chứa sau những lời nói điềm tĩnh, rạch ròi là nỗi đau về bi kịch tình yêu tan vỡ không thể kìm nén.